

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2023

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thành

2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2023/TLST - HNGĐ ngày 09/01/2023 về việc “Ly hôn” và thông báo thụ lý bổ sung về tài sản, nợ chung số 09^a ngày 02 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 30/5/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 19 ngày 20 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tăng Thị T, sinh năm 1975 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công N, sinh năm 1970 (Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

Đều cư trú tại: Thôn C, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

3. *Người làm chứng:*

- Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1994; cư trú tại Thôn C, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

- Chi hội phụ nữ và Phó thôn C, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

- Đại diện Ban giám hiệu và Công đoàn trường trung học cơ sở C. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tăng Thị T trình bày:

Bà Tăng Thị T và ông Nguyễn Công N tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày 19/12/1992.

Quá trình chung sống, ông bà sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn, công việc của bà T không ổn định, ông N là giáo viên thường xuyên phải giao lưu bạn bè, mỗi lần uống rượu về lại chửi mắng, đánh đập bà. Tháng 2/2021, bà đã làm đơn xin ly hôn và đã được Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà thụ lý giải quyết, sau đó bà suy nghĩ lại đã rút đơn. Tòa án đã ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/02/2021. Khi về đoàn tụ, ông N tuy có sự thay đổi nhưng chỉ được một thời gian ngắn, mâu thuẫn lại lặp lại. Mỗi lần uống rượu về ông vẫn chửi mắng, xúc phạm bà. Bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 09/01/1994 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 01/4/2001. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Ngày 23/02/2023, bà T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu giải quyết về nợ và tài sản và đã nộp tiền tạm ứng án phí. Ngày 02/3/2023 Tòa án đã thụ lý yêu cầu giải quyết về tài sản, nợ chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, giữa bà và ông N đã thỏa thuận với nhau xong về tài sản, nợ chung. Ngày 16/3/2023 bà có đơn xin rút tự nguyện không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải. Bị đơn ông Nguyễn Công N trình bày: Về điều kiện và thời gian tổ chức cưới, đăng ký kết hôn và về con chung như bà T trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn, trong cuộc sống vợ chồng do bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn nhưng chỉ là cuộc cãi vã nhỏ. Năm 2021 bà T đã làm đơn xin ly hôn ông, Tòa án đã hòa giải, bà T đã rút đơn vợ chồng đoàn tụ. Ông đã có sự thay đổi nhưng không hiểu sao đến nay bà T tiếp tục làm đơn xin ly hôn. Ông N xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và không đồng ý ly hôn.

Về con chung; tài sản, nợ chung: Ông và bà T đã tự nguyện giải quyết xong, ông nhất trí với việc rút đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản, nợ chung của bà T.

* Người làm chứng: Đại diện Ban giám hiệu và Công đoàn trường trung học cơ sở C nơi ông N công tác trình bày: Ông Nguyễn Công N là giáo viên – Phó hiệu trưởng trường trung học cơ sở C. Quá trình công tác sống hòa đồng,

thân thiện, gương mẫu, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ chung và nhiệm vụ chuyên môn được đồng nghiệp tin nhiệm. Về đời tư, do ông N ít nói, không tâm sự nhiều về gia đình nên Ban giám hiệu và Công đoàn trường không nắm được cụ thể. Thời gian gần đây ông N có trao đổi sơ qua về việc bà T làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà. Vì ông bà đã ở độ tuổi xế chiều, các con đều đã trưởng thành, ông bà đã có cháu nội. Vì nghĩ đến con, cháu nên ông N không đồng ý ly hôn. Do ông bà không có đơn nhờ Ban giám hiệu và Công đoàn trường hòa giải nên chưa tổ chức hòa giải, Lãnh đạo nhà trường có gặp riêng để khuyên bảo ông N. Kết quả có được như mong muốn hay không còn phụ thuộc vào sự thiện chí của ông bà. Ban giám hiệu và Công đoàn trường đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng ông bà đoàn tụ. Trường hợp đã hòa giải mà bà T vẫn cương quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Vì bận công việc, đề nghị xét xử vắng mặt.

Phó thôn và Chi hội trưởng phụ nữ thôn C, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trình bày: Vợ chồng ông Nguyễn Công N và Tăng Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L ngày 19/12/1992, ông bà có nhà đất và đang sinh sống tại xóm 10, thôn C, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống, ông N là giáo viên, bà T là văn thư của xã. Qua nghe dư luận, năm 2021 bà T đã làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ được một thời gian lại phát sinh mâu thuẫn sau đó bà T làm đơn gửi trực tiếp tại Tòa án mà không nhờ đoàn thể xóm, thôn hòa giải nên không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn. Thực tế ông bà đã có tuổi, các con đã trưởng thành, đã có cháu nội, chúng tôi đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Nếu bà T kiên quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì bận công việc chúng tôi đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Anh Nguyễn Minh Đ trình bày: Anh là con trai của ông bà T N; anh là người trực tiếp chứng kiến mâu thuẫn của bố mẹ. Nguyên nhân do tính cách không hợp, ngoài ra còn do áp lực về tài chính dẫn đến cãi chửi nhau, năm 2021 mẹ anh đã làm đơn xin ly hôn sau đó đã rút đơn về đoàn tụ được khoảng gần 01 năm lại phát sinh mâu thuẫn. Ông N mỗi lần uống rượu về lại chửi mắng bà T; bà T cũng không nhẫn nhịn mà có lời nói xúc phạm dẫn đến cãi vã. Anh là con đã nhiều lần chứng kiến sự việc mâu thuẫn của bố mẹ, anh đã phân tích khuyên bảo nhưng không được, trước khi mẹ anh làm đơn xin ly hôn, bà T cũng đã trao đổi với anh, anh chỉ có ý kiến việc bố mẹ chung sống được với nhau hay không là do bố mẹ quyết định, nếu bố mẹ anh thấy rằng cuộc sống không hạnh phúc, anh là con luôn trọng ý kiến của bố mẹ anh. Anh được biết mẹ anh xin ly hôn, bố anh mong muốn đoàn tụ, anh là con không nghiêng về bên nào. Nếu mẹ anh kiên quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn ông N. Về con chung, tài sản, nợ chung, bà tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự: Xử cho bà Tăng Thị T ly hôn ông Nguyễn Công N. Đình chỉ giải quyết về tài sản, nợ chung. Trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Tăng Thị T. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do mà không có người đại diện tham gia. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà T, ông N tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày 19/12/1992 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau. Thường xuyên xảy ra cãi vã, mặc dù ông N không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp tích cực để cải thiện tình cảm vợ chồng. Trước đó năm 2021 bà T đã có đơn xin ly hôn và rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chỉ được một thời gian ngắn lại phát sinh mâu thuẫn, anh Đoàn con trai ông bà là người trực tiếp chứng kiến việc cãi vã giữa bà T và ông N xảy ra hàng ngày, tuy anh không nghiêng về bên nào nhưng nếu bà T kiên quyết xin ly hôn, anh đề nghị giải quyết theo pháp luật. Xác minh với tổ chức đoàn thể nơi ông bà sinh sống và công tác đều xác định ông bà không nhờ đoàn thể hòa giải. Tòa án đã nhiều lần hòa giải khuyên ông bà về đoàn tụ nhưng bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, thể hiện mong muốn đoàn tụ của ông N thiếu thiện chí. Như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử cho bà Tăng Thị T ly hôn ông Nguyễn Công N để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3]. Về con chung: Ông bà đều thừa nhận có 02 con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 09/01/1994 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 01/4/2001. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Ngày 23/02/2023, bà T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu giải quyết về nợ và tài sản và đã nộp tiền tạm ứng án phí. Ngày 02/3/2023 Tòa án đã thụ lý yêu cầu giải quyết về tài sản, nợ chung. Sau đó ông bà T N đã thỏa thuận giải quyết với nhau xong về tài sản, nợ chung. Đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh C xác nhận đã trả xong nợ. Ngày 16/3/2023 bà T có đơn xin rút không yêu cầu giải quyết về tài sản, nợ chung. Xét thấy đơn xin rút không yêu cầu về tài sản, nợ chung của bà T là tự nguyện, bị đơn ông N nhất trí và không có yêu cầu phản tố; không có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và được Tòa án chấp nhận. Cần đình chỉ đối với yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung. Trả lại số tiền tạm ứng án chia tài sản, nợ chung cho bà T. Các đương sự có quyền khởi kiện lại theo thủ tục chung theo quy định tại Điều 217, 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 217; 218, 227, 228, 229 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Tăng Thị T ly hôn ông Nguyễn Công N

- Đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản, nợ chung của bà Tăng Thị T. Trả lại bà Tăng Thị T số tiền 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003437 ngày 02/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà. Các đương sự có quyền khởi kiện lại về tài sản, nợ chung theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Bà Tăng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003391 ngày 05/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. (*Bà T đã thi hành xong án phí*)

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hoài